

Số:73/BC- TrMN

Kỳ Thượng, ngày 26 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị: Trường Mầm non Kỳ Thượng

2. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Khe Tre, xã Kỳ Thượng, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Email: c0kythuonghb.quangninh@moet.edu.vn

Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://mamnonkythuong.edu.vn>

3. Loại hình: Trường công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường:

* Sứ mạng:

Thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 13 tháng tuổi đến 06 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

* Tầm nhìn:

Trường mầm non Kỳ Thượng phấn đấu luôn là một ngôi trường thân thiện, chất lượng và hiệu quả, có đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại. Là nơi các bậc cha mẹ trẻ tin tưởng gửi gắm con em vào học tập, trẻ có những kỹ năng cơ bản để sẵn sàng học lên cấp học tiểu học.

* Mục tiêu:

Ổn định, phát triển, xây dựng nhà trường có uy tín về mọi mặt, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN và phát triển Chương trình trong cơ sở GDMN. Thực hiện có hiệu quả ứng dụng phương pháp tiên tiến trong GDMN, tiếp cận phương pháp hiện đại trong khu vực và trên thế giới.

Đến năm 2026 trường mầm non Kỳ Thượng duy trì vững chắc kết quả trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và Chuẩn Quốc gia mức độ 1. Phấn đấu đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và chuẩn quốc gia mức độ 2 vào giai đoạn tiếp theo.

5. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường:

Trường mầm non Kỳ Thượng thuộc xã Kỳ Thượng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 7 năm 2011 trên cơ sở được tách ra từ trường TH&THCS Kỳ Thượng theo Quyết định số

1169/QĐ-UBND ngày 01/6/2011 của UBND huyện Hoành Bồ. Trường là cơ sở giáo dục mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, thực hiện chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Sau 14 năm xây dựng và phát triển, đến nay trường Mầm non Kỳ Thượng đã được đầu tư xây dựng với hệ thống gồm 7 phòng học với đầy đủ các phòng chức năng, được trang bị đầy đủ đồ dùng, trang thiết bị cho công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Quy mô đầu năm học 2024-2025 nhà trường có 7 lớp với 2 học sinh, 13 CBGVNV có trình độ chuyên môn đạt chuẩn trở lên. Trong 14 năm xây dựng phát triển nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương, nhà trường đã nhiều năm đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, lao động xuất sắc. Năm học 2020 – 2021, trường được Sở Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT, ngày 05 tháng 01 năm 2021, Quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và Quyết định số 13/QĐ-SGDĐT, ngày 05 tháng 01 năm 2021, Quyết định công nhận và cấp bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Từ năm 2011 đến nay, nhà trường đã có nhiều đổi mới, đột phá, phát triển về mọi mặt: mạng lưới trường lớp tiếp tục được củng cố, phát triển phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ; chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được nâng cao; thực hiện và phát triển Chương trình GDMN phù hợp với điều kiện của địa phương theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; đẩy mạnh đổi mới cơ chế quản lý, quản trị, tăng cường nề nếp, kỷ cương, chú trọng công tác dân chủ, công khai tại nhà trường. Nhiều năm liền, trường đạt tập thể lao động tiên tiến, lao động xuất sắc, được nhận Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ninh; Giấy khen của Chủ tịch UBND Thành phố; Giấy khen của Sở GD&ĐT Quảng Ninh. Công đoàn và đoàn thanh niên đều hoàn thành tốt nhiệm vụ; chi bộ Đảng trong sạch, vững mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Nhà trường có 03 cán bộ quản lý, 3/3 đạt trình độ Đại học; có năng lực quản lý, chỉ đạo các hoạt động của nhà trường một cách khoa học, hiệu quả. Các hội đồng, các tổ chức, các tổ chuyên môn của nhà trường hoạt động có kế hoạch, phát huy hiệu quả vai trò và trách nhiệm, thúc đẩy được các hoạt động giáo dục của nhà trường. Trường có đủ phòng học, phòng chức năng và thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi cho mỗi nhóm lớp, có đủ giáo viên theo định biên. Các nhân viên trong trường có đủ số lượng, đáp ứng được yêu cầu về chất lượng. Nhà trường luôn xây dựng được khối đoàn kết nội bộ nhất trí cao. Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc chương trình Giáo dục mầm non, cũng như nhiệm vụ năm học, chỉ đạo ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến vào tổ chức các hoạt động giáo

dục trẻ có hiệu quả. Kết quả chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường luôn ổn định và dần từng bước được nâng cao. Ở mỗi năm học, nhà trường đều quản lý và sử dụng kinh phí hợp lý, theo chế độ quy định hiện hành, chế độ tài chính đều được công khai trước hội đồng. Công tác xã hội hóa được nhà trường quan tâm, triển khai hiệu quả. Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, hàng rào bảo vệ, có đủ sân chơi, cây xanh bóng mát.

Trong suốt 14 năm qua, tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên của nhà trường luôn phát huy truyền thống thi đua yêu nước, kiên trì vượt khó, tâm huyết với nghề, tận tâm, trách nhiệm với trẻ em, cùng với các thể hệ nhà giáo đã đóng góp trí tuệ và công sức của mình cho sự nghiệp “Trồng người”, xây đắp lên bề dày thành tích của trường.

6. Thông tin người đại diện hợp pháp:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Huệ.
- Chức vụ: Hiệu trưởng:
- Số điện thoại: 0344174999.
- Địa chỉ Gmail: nguyenthihuebc1981@gmail.com.

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập trường: Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 01/6/2011.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, Quyết định số 13045/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2024 của UBND Thành phố Hạ Long về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường MN Kỳ Thượng, nhiệm kỳ 2021-2026.

1. Bà: Nguyễn Thị Huệ , Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng trường;
2. Bà: Nguyễn Thị Thắm, Phó Bí thư chi bộ, Phó Hiệu trưởng - Thành viên;
3. Bà: Nguyễn Thị Hồng Thanh, giáo viên, tổ trưởng chuyên môn - Thư ký;
4. Ông Tấn Văn Báo, nhân viên y tế, tổ trưởng tổ văn phòng - thành viên;
5. Bà Khúc Thị Hồng, giáo viên, Bí thư chi đoàn - Thành viên.
6. Bà Lý Thị Hoa, Trưởng ban Đại diện cha mẹ học sinh -Thành viên;
7. Nguyễn Đức Thanh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kỳ Thượng - Thành viên;

c. Quyết định điều động Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng:

- Quyết định Hiệu trưởng: Quyết định 3564/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của UBND Thành phố Hạ Long về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý (Đ/c Nguyễn Thị Huệ)

- Quyết định điều động Phó Hiệu trưởng:

+ Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND Thành phố Hạ Long về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý (Đ/c Nguyễn Thị Thắm)

+ Quyết định số 13069/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 của UBND Thành phố Hạ Long về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý (Đ/c Nguyễn Thị Hồng Lĩnh)

d. Quy chế tổ chức và hoạt động

Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường: Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường được thực hiện theo Quyết định số 62/QĐ-TrMN ngày 01/10/2024 của Trường mầm non Kỳ Thượng về việc ban hành Quy chế làm việc của Trường mầm non Kỳ Thượng .

Nhiệm vụ và quyền hạn (Thực hiện theo Điều 3, Thông tư số 52/2020/TT-BGD&ĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo):

+ Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

+ Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Chủ động đề xuất nhu cầu, tham gia tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường công lập; quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

+ Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

+ Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

+ Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền.

+ Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

+ Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

+ Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo.

Trường có tổng số: 16 người; Trong đó

Chia theo vị trí việc làm:

+ Cán bộ quản lý: 03 (01 Hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng)

+ Giáo viên: 8

+ Nhân viên: 2 (01 nhân viên y tế, 01 nhân viên kế toán)

+ Hợp đồng hỗ trợ phục vụ: 03. (01 nhân viên bảo vệ- phục vụ, 02 nhân viên nấu ăn)

Chia theo trình độ đào tạo:

Tính trên 13 cán bộ giáo viên nhân viên hiện có:

- Đại học: 11/13 người (84,6%); Cao đẳng: 1/13 người (7,7%); trung cấp: 1/13 (7,7%).

b. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp.

- Đối với đánh giá chuẩn nghề nghiệp Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên mầm non:

+ Kết quả đánh giá Hiệu trưởng: Tốt: 01;

+ Kết quả đánh giá P. Hiệu trưởng: Tốt: 02;

+ Kết quả đánh giá giáo viên: Tốt: 05; Khá: 03.

c. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

- 100% CB, GV tham gia học tập bồi dưỡng thường xuyên; thực hiện đầy đủ quy chế chuyên môn.

- 100% CB, GV, NV tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I.	Diện tích khu đất xây dựng trường	2553m²	32,7 m²/trẻ
1.	Điểm trường Trung tâm	1624.27m ²	42,7 m ²
2.	Điểm trường Khe Lương	297.3m ²	11 m ²

3.	Điểm trường Khe Phương	631.5m ²	48,5 m ²
-----------	------------------------	---------------------	---------------------

b. Số lượng, hạng mục công trình

I.	Phòng hành chính Quản trị	Số lượng	Diện tích m²
1	Phòng HT	0	0
2	Phòng PHT	1	19.8
3	Văn phòng trường	1	39.6
4	Phòng Nhân viên	1	19.8
5	Phòng bảo vệ	1	9
6	Khu vệ sinh CB, GV, NV	2	39.6
7	Khu để xe CB, GV, NV	1	52.8
II.	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ		
	Phòng học	6/7	339
	Phòng đa năng	1	80.2
	Phòng giáo viên	0	0
	Phòng tin học	0	0
III.	Khối phòng tổ chức ăn		
	Nhà bếp	3	65.3
	Kho bếp	1	4.3
IV.	Khối phụ trợ		
	Phòng họp	1	79.2
	Phòng y tế	1	19.8
	Nhà kho	0	0

c. Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có của Nhà trường đáp ứng đầy đủ yêu cầu tối thiểu về đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định.

d. Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

- Nhà trường có tương đối đầy đủ số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục, kế hoạch cải tiến chất lượng.

* Kết quả tự đánh giá:

- Nhà trường hoàn thành công tác tự đánh giá năm học 2024-2025, kết quả như sau:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Lý do “Không đạt”
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1					
Tiêu chí 1.1		x	x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x		
Tiêu chí 1.3		x	x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	x	
Tiêu chí 1.5		x			Mức 2 chưa đạt do các nhóm, lớp không đủ số trẻ để phân theo độ tuổi, phải mở các nhóm, lớp ghép
Tiêu chí 1.6		x	x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x		
Tiêu chí 1.8		x	x		
Tiêu chí 1.9		x	x		
Tiêu chí 1.10		x	x		
Tiêu chuẩn 2					
Tiêu chí 2.1		x	x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	x	
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1		x	x		
Tiêu chí 3.2	x				Chưa đạt do nhà trường chưa có phòng thư viện
Tiêu chí 3.3		x	x		
Tiêu chuẩn 4					

Tiêu chí 4.1		x	x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	x	
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1		x	x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x	
Tổng	1	21	20	10	

Kết quả: Mức tự đánh giá của nhà trường: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1.

*** Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.**

- Nhà trường ban hành kế hoạch số: 125/KH-TrMN ngày 06/10/2024 về Kế hoạch cải tiến chất lượng năm học 2024-2025, với mục đích giúp tập thể sư phạm nhà trường có cái nhìn tổng quan về những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường so với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, từ đó nhà trường tự xem xét, đánh giá thực trạng chất lượng các hoạt động giáo dục, cơ sở vật chất, các vấn đề liên quan khác của nhà trường để điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

b. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

Năm học 2020 – 2021, trường được Sở Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định số 12/QĐ-SGDĐT ngày 05 tháng 01 năm 2021, Quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và Quyết định số 13/QĐ-SGDĐT, ngày 05 tháng 01 năm 2021, Quyết định công nhận và cấp bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Sau các năm đánh giá ngoài và tự đánh giá nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau từng năm đánh giá và cải tiến chất lượng rõ rệt trong từng năm, đến năm học 2024-2025 nhà trường còn : $1/22 = 5,3\%$.

- Nhà trường duy trì trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ I, kiểm định chất lượng giáo dục mức độ II. Xây dựng lộ trình công nhận lại trường mầm non đạt Quốc gia mức độ I và Kiểm định chất lượng cấp độ 2 dự vào năm 2026

- Đã tham mưu UBND thành phố Hạ Long đầu tư cơ sở vật chất để đạt chuẩn trường Quốc gia mức độ I và kiểm định chất lượng giáo dục.

- Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, các lực lượng xã hội và gia đình trẻ trong việc xây dựng cảnh quan, môi trường sư phạm... phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục.

IV.CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THỰC HIỆN

1) Tên chương trình: Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục Việt Nam ban hành theo Thông tư số 01/TT-BGDĐT ngày 13/4 2021. Nhà trường chưa liên kết với tổ chức cá nhân nào nước ngoài để dạy tích hợp chương trình giáo dục khác. Nhưng tổ chức dạy học theo hướng đổi mới giáo dục lấy trẻ làm trung tâm có tích hợp giáo dục theo hướng Stem.

2) Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục: Bộ giáo dục và Đào tạo; Sở Giáo dục và Đào tạo.

3) Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục: Ngôn ngữ Việt Nam.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học:

a. Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

Ngay từ đầu tháng 7 nhà trường đã tổ chức tuyển sinh trẻ năm học 2024-2025 bằng hình thức xét tuyển hồ sơ. Kết quả như sau:

Nội dung		Nhà trẻ	Mẫu giáo			So sánh với KH phát triển	
			MG Ghép 3,4,5 tuổi	MG Ghép 3, 4 tuổi	MG 5 tuổi	Nhà trẻ	Mẫu giáo
Tổng	Số lớp	3	2	1	1	Đạt	Đạt

toàn trường	Số học sinh	22	29	11	10	Đạt	Đạt
Trung tâm	Số lớp	1	0	1	1	Đạt	Đạt
	Số học sinh	11	0	11	10	Đạt	Đạt
Điểm lẻ Khe Lương	Số lớp	1	1	0	0	Đạt	Đạt
	Số học sinh	6	20	0	0	Đạt	Đạt
Điểm lẻ Khe Phương	Số lớp	1	1	0	0	Đạt	Đạt
	Số học sinh	5	9	0	0	Đạt	Đạt

Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp

- Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ toàn xã: $22/41 = 53,7 \%$
- Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo toàn xã: $53/53 = 100\%$ (trong đó trẻ đi học tại trường $48/53 = 90,6 \%$, trẻ đi học nơi khác: $05/53 = 9,4\%$). Trường có 2 trẻ ở nơi khác đến học.

b. Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục: *Đính kèm*

c. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội; *(Đính kèm)*

d. Thực đơn hằng ngày của trẻ em: *Đính kèm*

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

- Tổng số trẻ toàn trường 72 trẻ.
- Tổng số nhóm lớp: 7
- Số trẻ bình quân trên nhóm, lớp: 10,2

ST T	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	72		4	18	13	14	23
1	Số trẻ em nhóm ghép	56		4	12	13	14	13
2	Số trẻ em 2 buổi/ngày	72		4	18	13	14	23
3	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0		0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ	72		4	18	13	14	23

	chức ăn tại cơ sở							
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	72		4	18	13	14	23
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	72		4	18	13	14	23
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ có cân nặng bình thường	71		4	18	13	13	23
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	1		0	0	0	1	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	72		4	18	13	14	23
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0		0	0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	0		0	0	0	0	0
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	72		4	18	13	14	23
a	Chương trình giáo dục nhà trẻ	22		4	18			
b	Chương trình giáo dục mẫu giáo	50				13	14	23

*** Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi**

Nhà trường thực hiện tốt việc tham mưu với BCD PCGD&XMC xã triển khai đảm bảo đủ các điều kiện, tiêu chuẩn để đạt chuẩn PCGDMNTCENT, cập nhật chính xác dữ liệu năm 2024 trên phần mềm phổ cập giáo dục - xóa mù chữ; Tham mưu ưu tiên nguồn lực, chủ động triển khai các giải pháp duy trì vững chắc xã đạt chuẩn phổ cập GDMNCTENT năm 2024.

III. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH.

Tình hình tài chính trước năm liền kề thời điểm báo cáo theo quy định của pháp luật.

STT	Nội dung	Mục	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyet	Chênh lệch
1	2		3	4	5=4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		-	-	
I	Số thu phí, lệ phí		-	-	
1	Lệ phí				
2	Phí		-	-	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại		-	-	
1	<i>Chi sự nghiệp</i>				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	<i>Chi quản lý hành chính</i>				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	<i>Lệ phí</i>				
	Lệ phí...				
2	Lệ phí...				
	Phí				
	Phí ...				

B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước		2.823.306.653	2.823.306.653	
I	Nguồn kinh phí tự chủ		2.322.908.583	2.322.908.583	
1	Chi Thanh toán cá nhân		1.881.316.410	1.881.316.410	
	Lương ngạch bậc	6001	898.718.022	898.718.022	
	Phụ cấp chức vụ	6101	33.475.000	33.475.000	
	Phụ cấp khu vực	6102	133.050.000	133.050.000	
	Phụ cấp ưu đãi nghề	6112	389.226.400	389.226.400	
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	6113	2.170.000	2.170.000	
	Phụ cấp thâm niên nghề, Pc thâm niên VK	6115	100.237.920	100.237.920	
	Bảo hiểm xã hội	6301	175.875.411	175.875.411	
	Bảo hiểm Y tế	6302	20.292.927	20.292.927	
	KP công đoàn	6303	20.517.921	20.517.921	
	Bảo hiểm thất nghiệp	6304	9.764.309	9.764.309	
	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	6404	97.988500	97.988500	
2	Chi về hàng hoá dịch vụ		441.592.173	441.592.173	

	Thanh toán tiền điện				
	Thanh toán tiền điện	6501	16.330.763	16.330.763	
	Tiền vệ sinh môi trường	6504	540.000	540.000	
	Chi khác	6549	28.700.000	28.700.000	
	Văn phòng phẩm	6551	66.475.000	66.475.000	
	Vật tư văn phòng khác	6599	17.082.000	17.082.000	
	Cước phí điện thoại	6601	2.640.000	2.640.000	
	Cước phí Internet	6605	3.945.600	3.945.600	
	Chi khác	6649	1.430.000	1.430.000	
	Phụ cấp công tác phí	6702	7.200.000	7.200.000	
	Khoản công tác phí	6704	9.796.000	9.796.000	
	Thiết bị công nghệ thông tin	6912	69.380.000	69.380.000	
	Đường điện, cấp thoát nước	6921	97.710.000	97.710.000	
	Chi mua hàng hoá vật tư dùng cho công tác CM	7001	120.362.810	120.362.810	
3	Mua sắm tài sản vô hình		9.000.000	9.000.000	
	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	7053	9.000.000	9.000.000	
4	Chi khác		16.728.000	16.728.000	
	Chi các khoản phí và lệ phí	7756	2.578.000	2.578.000	
	Chi các khoản khác	7799	14.150.000	14.150.000	
II	Nguồn kinh phí không tự chủ		500.398.070	500.398.070	
1	Chi thanh toán cá nhân		33.136.570	33.136.570	
	Phụ thâm niên	6115	15.820.570	15.820.570	
	Tiền thưởng thường xuyên	6201	17.316.000	17.316.000	
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn		111.881.500	111.881.500	
	Vật tư văn phòng	6551	1.000.000	1.000.000	
	Vật tư văn phòng khác	6599	2.000.000	2.000.000	
	Thuê lao động trong nước	6757	106.880.000	106.880.000	
	Thuê đào tạo lại cán bộ	6758	3.233.000	3.233.000	
	Chi khác	7049	2.001.500	2.001.500	
3	Chi khác		355.380.000	355.380.000	
	Chi khác	7499	147.420.000	147.420.000	
	Cấp bù học phí cơ sở giáo dục theo chế độ	7766	12.960.000	12.960.000	
	Chi các khoản khác	7799	195.000.000	195.000.000	

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học.

Quyết toán thu - chi tiền ăn bán trú năm

STT	Nội dung	Tồn đầu kỳ	Thu	Chi	Tồn cuối	Ghi chú
1	Thu tiền ăn học sinh kỳ I năm học 2024-2025(tháng 9-12/2024)	0	241.619.000			
2	Thu tiền ăn học sinh kỳ II năm học 2024-2025(tháng 01- 5/2025)	0	280.608.000			
3	Chi tiền ăn học sinh kỳ I năm học 2024-2025(tháng 9-12/2024)			241.619.000		
4	Chi tiền ăn học sinh kỳ II năm học 2024-2025(tháng 01- 5/2025)			280.608.000		
	Tổng thu, chi năm 2024-2025		522.227.000	522.227.000	0	

Quyết toán thu - chi quỹ quản lý học sinh trong giờ bán trú năm 2024-2025

STT	Nội dung	Tồn đầu kỳ	Thu	Chi	Tồn cuối	Ghi chú
1	Thu tiền quản lý học sinh trong giờ bán trú kỳ I năm học 2024-2025(tháng 9-12/2024)	0	44.046.000			
2	Thu tiền quản lý học sinh trong giờ bán trú kỳ II năm học 2024-2025(tháng 01- 5/2025)		51.835.000			
3	Chi tiền quản lý học sinh trong giờ bán trú kỳ I năm học 2024-2025(tháng 9-11/2024)			40.332.608		
4	Chi tiền quản lý học sinh trong giờ bán trú kỳ II năm học 2024-2025(tháng 1- 5/2025)			44.727.326		
5	Nộp tiền thuế TNDN			1.919.820		
	Tổng thu, chi năm học 2024- 2025		95.881.000	86.979.754	8.901.336	Trả lại phụ huynh

Quyết toán thu - chi thuê nhân viên nấu ăn

STT	Nội dung	Tồn đầu kỳ	Thu	Chi	Tồn cuối	Ghi chú
1	Thu tiền thuê nhân viên nấu ăn kỳ I năm học 2024-2025 (tháng 9-12/2024)	0	39.994.000			
2	Thu tiền thuê nhân viên nấu ăn kỳ II năm học 2024-2025 (tháng 01-5/2025)		8.964.000			
3	Chi tiền thuê nhân viên nấu ăn kỳ I năm học 2024-2025 (tháng 9-12/2024)			34.034.000		
4	Chi tiền thuê nhân viên nấu ăn kỳ II năm học 2024-2025 (tháng 01-5/2025)			14.190.000		
	Tổng thu, chi năm 2024		48.958.000	48.224.000	734.000	Trả lại phụ huynh

Quyết toán thu - chi vật dụng phục vụ bán trú năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tồn đầu kỳ	Thu	Chi	Tồn cuối	Ghi chú
1	Thu tiền vật dụng phục vụ bán trú năm học 2024-2025	0	8.050.000			
2	Chi tiền vật dụng phục vụ bán trú năm học 2024-2025			8.050.000		
3	Tổng thu, chi năm 2024-2025		8.050.000	8.050.000	0	

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp, miễn giảm học phí: Trong nội dung 1 đã thể hiện.

Số dư quỹ theo quy định: Không có.

3 Các nội dung công khai tài chính khác: Thực hiện theo quy định pháp luật.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Kết quả công tác truyền thông về Giáo dục mầm non, công tác xã hội hóa giáo dục và hội nhập quốc tế.

Thực hiện tốt công tác truyền thông về giáo dục mầm non, phát huy hiệu quả trang Web, trang fb của nhà trường để đăng tải các nội dung liên quan đến ngành, tuyên truyền kết quả đạt được của nhà trường, cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ tích cực chia sẻ hoạt động của trang, góp phần lan tỏa hình ảnh đẹp và các hoạt động ý nghĩa của nhà trường nói riêng và của ngành GDMN nói chung.

-Thực hiện tốt việc giao lưu giữa các trường mầm non trong khu vực, trong cụm chuyên môn nhằm trao đổi, thảo luận, áp dụng các phương pháp tiên tiến trong công tác chuyên môn.

- Chỉ đạo giáo viên các nhóm, lớp thực hiện ứng dụng, tiếp cận phương pháp giáo dục tiên tiến (STEAM) vào quá trình giáo dục trẻ.

2.Kết quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Nhà trường đã triển khai và thực hiện hiệu quả công tác chuyển đổi số, đẩy mạnh UDCNTT trong quản lý, điều hành các hoạt động GDMN, kết quả như sau:

- Trường mầm non Kỳ Thượng được Phòng Giáo dục và Đào tạo ra quyết định công nhận mức độ chuyển đổi số mức độ 3.

- 100% cán bộ giáo viên tham gia học chuyển đổi số trong ngành giáo dục. 100% CBQL ứng dụng khai thác và sử dụng hiệu quả CNTT trong quản trị nhà trường.

- Nhà trường thực hiện kí số các văn bản đi nhanh chóng, thuận tiện. 100% giáo viên có kỹ năng ứng dụng CNTT trong hoạt động giảng dạy; ứng dụng CNTT trong soạn giảng, ứng dụng CNTT trong việc khai thác các thông tin phục vụ hoạt động giảng dạy. Thực hiện hiệu quả các hệ thống phần mềm trong nhà trường như: phần mềm phổ cập, phần mềm smas, phần mềm Moet, phần mềm cơ sở dữ liệu, phần mềm kế toán.....

- 100% cán bộ giáo viên cài đặt định danh cá nhân mức độ II.

- 7/7 nhóm lớp sử dụng gmail, zalo trao đổi thông tin phụ huynh.

3. Kết quả thực hiện các phong trào, hội thi trong nhà trường.

Trong năm học nhà trường tổ chức có hiệu quả các chuyên đề, Hội thi cấp trường và ngày hội, ngày lễ trong trường mầm non:

+ Tiếp tục phát huy hiệu quả chuyên đề "*Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm*" và xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề "*Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm*" giai đoạn 2020 - 2025; Tổ chức thực hiện chuyên đề cấp trường: "Đổi mới hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc theo hướng tiếp cận đa văn hóa", chuyên đề "Nói không với rác thải nhựa trong trường mầm non", chuyên đề cấp tổ "Đổi mới hình thức tổ chức giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non"; chuyên đề "Đổi mới phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm"; tổ chức hội thi "Bé khéo tay", Chương trình Tôi yêu Việt Nam, tuyên truyền Luật an toàn giao thông, phòng chống đuối nước cho trẻ được lồng ghép vào các hoạt động giáo dục trẻ hàng ngày.

+ Tổ chức thành công "Ngày hội đến trường của bé", ngày "Tết trung thu". Tổ chức cho các cháu lớp mẫu giáo 5- 6 tuổi đi tham quan trường Tiểu học. Thông qua các lễ hội, tham quan, dã ngoại đã giúp trẻ tích cực hoạt động, mạnh dạn tự tin, được giao lưu học tập, phát triển toàn diện.Tạo được không khí

vui tươi, phấn khởi cho các bé và nhận được sự đồng tình, ủng hộ nhiệt tình từ phía cha mẹ trẻ.

+ Tham gia Hội thi “Giáo viên dạy giỏi cấp thành phố” năm học 2024-2025. Kết quả: 3/3 giáo viên tham gia và đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp thành phố.

Thông qua tổ chức các chuyên đề, các hội thi của trường giáo viên được giao lưu, giúp đỡ, chia sẻ kinh nghiệm, được bồi dưỡng và tự bồi dưỡng trong thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ.

Trên đây báo cáo công khai thường niên năm 2024 của Trường mầm non Kỳ Thượng./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (BC)
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Huệ